

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-5-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huệ.
2. Bà Trần Thị Thu Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai- có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 01/3/2021 cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 16/01/2014 tại UBND thị trấn Nông trường P Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Bản thân anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại bản tự khai gửi đến Toà án ngày 15/4/2021, chị T cũng trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T do vợ chồng chung sống không hoà thuận hạnh phúc và không quan tâm đến nhau. Chị và anh T đã sống ly thân, nay anh T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn thì chị cũng nhất trí, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị T đều xác nhận, quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Nam P - Sinh ngày: 20/10/2014, hiện tại cháu P phát triển bình thường và đang ở cùng anh T, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T cũng có ý kiến đề nghị Toà án giải quyết cho anh T được nuôi dưỡng con chung, chị nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị đều trình bày không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do chị T vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tuy nhiên không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn.

Ngày 04/5/2021, Tòa án nhận được đơn của chị T đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị theo quy định, chị giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong bản tự khai gửi Toà án và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn vắng mặt nhưng đã có bản tự khai gửi đến Toà án trình bày ý kiến, sau đó bị đơn đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho anh Nguyễn Thành T ly hôn với chị Nguyễn Thị T, xử giao cháu Nguyễn Nam P - Sinh ngày: 20/10/2014 cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tuyên án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thành T khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T, các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Nông trường P Hải, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, do chị T vắng mặt tại địa phương, vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mâu thuẫn của anh T và chị T đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Chị T đã có bản tự khai gửi đến Tòa án xác nhận anh chị có mâu thuẫn, chị nhất trí ly hôn với anh T và nhất trí để anh T nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; Do điều kiện công việc và tình hình dịch bệnh Covid nên chị không đến Tòa án làm việc được, việc Tòa án niêm yết các giấy tờ liên quan thì chị đã biết và không có ý kiến gì.

Ngày 04/5/2021, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong bản tự khai gửi Tòa án và không đề nghị gì khác. Vì vậy cần xét xử vắng mặt chị T và việc anh T xin ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị T xác định quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Nam P - Sinh ngày: 20/10/2014, hiện tại cháu phát triển bình thường, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại anh T làm thợ cắt tóc, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị T cũng có ý kiến nhất trí với nguyện vọng của anh T, vì vậy cần tiếp tục giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, do anh T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị T đều xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho anh Nguyễn Thành T ly hôn với chị Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Nam P - Sinh ngày 20/10/2014 cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002742 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND TT Nông trường P Hải;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

